

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 5 – 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Thỏ.

2. Ông Hoàng Văn Thái.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Văn Diên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị S, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Phan Thanh D, sinh năm 1989; địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Lê Thị S trình bày:

Bà Lê Thị S và ông Phan Thanh D có tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15-6-2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Thời gian đầu khi mới về sống chung với nhau thì vợ chồng hạnh phúc. Về sau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2014. Trong thời gian chung sống, bà Lê Thị S và ông Phan Thanh D có 01 con chung là cháu Phan Gia B, sinh ngày 11-5-2012. Hiện nay cháu Phan Gia B đang sống chung với bà Lê Thị S.

Nay bà Lê Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Phan Thanh D;
- Về con chung: Yêu cầu giao con chung là cháu Phan Gia B, sinh ngày 11-5-2012 cho bà Lê Thị S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Phan Thanh D phải cấp dưỡng cho con.
- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn: Các bên tự thỏa thuận, bà S không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ý kiến của các bị đơn ông Phan Thanh D:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Tờ nguyên vọng ngày 22-11-2022, cháu Phan Gia B trình bày: Hiện nay mẹ cháu là Lê Thị S và cha cháu là Phan Thanh D đang nộp đơn khởi kiện để ly hôn, nếu như Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng xin ở với mẹ. Đây là ý chí tự nguyện của cháu, không có ai lừa dối hay ép buộc.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Lê Thị S yêu cầu được ly hôn với bị đơn Phan Thanh D, đang cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và bị đơn không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn Lê Thị S và bị đơn Phan Thanh D đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15-6-2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông D là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về căn cứ ly hôn: Theo nguyên đơn trình bày, do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn với nhau, đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Mặc dù chưa có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho ly hôn nhưng trên thực tế bà S và ông D đã ly thân; nghĩa là mỗi

người đã ở một nơi và đều ổn định cuộc sống riêng của mình. Điều này cho thấy tình nghĩa vợ chồng đã không còn do họ không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình kể từ thời điểm ly thân. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp có vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết cho họ được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Bà S và ông D có 01 con chung là cháu Phan Gia B, sinh ngày 11-5-2012, hiện đang sống chung với bà S. Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu Phan Gia B có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Phan Gia B đang được bà S trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm gắn bó với nguyên đơn, môi trường sống và học tập đang ổn định nên việc tiếp tục giao cháu Phan Gia B cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Phan Thanh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Các bên đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị S và ông Phan Thanh D được ly hôn.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cháu Phan Gia B, sinh ngày 11-5-2012 cho bà Lê Thị S trực tiếp nuôi dưỡng

đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phan Thanh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Lê Thị S về việc không yêu cầu bị đơn Phan Thanh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không ai có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007318 ngày 07-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Ninh Quới, huyện
Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm